

Số: 06/2024/CBTT/GLW

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2024

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP cấp thoát nước Gia Lai thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 với UBCKNN & Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: **GLW**
- Địa chỉ: 388 Lý Thái Tổ, P. Yên Đỗ, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại liên hệ/Tel:(84.269) 3824094 Fax: (84.269) 3714288
- Email: thanhglw@gmail.com Website:capthoatnuocgialai.com

3. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2023
- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào  
ngày: 15/03/2024 tại đường dẫn:

<https://capthoatnuocgialai.com>

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC kiểm toán năm 2023.
- Văn bản giải trình .

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
**NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH**



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC GIA LAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Ngọc Tiến	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Ông Lê Văn Luyện	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Khánh Duy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2024)
Ông Châu Ngọc Trọng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2024)
Ông Lê Văn Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2024)
Ông Vũ Văn Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2023 và miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2024)

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Hồ Thị Xuân	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2024)
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2024)
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Luyện	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2023)

#### **Kế toán trưởng**

Bà Trương Thị Thành	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)
Ông Vũ Hoàng Thiên	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2024)

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày 08 tháng 01 năm 2024 là ông Nguyễn Văn Thành, từ ngày 09 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Tổng Giám đốc Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Thị Hồng Hạnh**  
Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 13 tháng 3 năm 2024



Số: 1821/2024/BCKT-ICPA.SG

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lương Xuân Trường**  
Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2024

**Phạm Thị Toan**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2767-2024-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>27.803.876.686</b>	<b>35.043.309.162</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.881.218.731</b>	<b>13.406.900.028</b>
1. Tiền	111		781.218.731	4.306.900.028
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.100.000.000	9.100.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>17.000.000.000</b>	<b>10.301.669.003</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	17.000.000.000	10.301.669.003
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.830.101.219</b>	<b>6.916.628.870</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.471.448.772	1.584.033.437
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.957.854.719	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	5.094.007.597
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.478.933.156	319.752.500
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(78.135.428)	(81.164.664)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2.775.926.090</b>	<b>3.611.563.229</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.775.926.090	3.611.563.229
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>316.630.646</b>	<b>806.548.032</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	29.389.696	38.223.570
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		92.988.881	379.066.462
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	194.252.069	389.258.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>167.046.647.632</b>	<b>167.479.558.298</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>162.865.975.657</b>	<b>161.670.510.281</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	162.092.824.534	160.813.302.398
- Nguyên giá	222		452.345.229.164	439.831.378.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(290.252.404.630)	(279.018.075.947)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	773.151.123	857.207.883
- Nguyên giá	228		1.692.454.091	1.572.454.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(919.302.968)	(715.246.208)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>608.336.111</b>	<b>1.712.048.670</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	608.336.111	1.712.048.670
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.572.335.864</b>	<b>4.096.999.347</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	734.606.303	1.143.949.017
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.8	2.837.729.561	2.953.050.330
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>194.850.524.318</b>	<b>202.522.867.460</b>

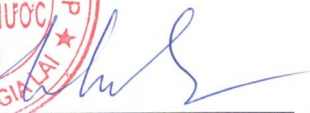
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.653.291.430</b>	<b>6.390.470.584</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.653.291.430</b>	<b>5.840.856.570</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	997.963.481	2.756.549.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.635.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.753.710.682	1.710.802.832
4. Phải trả người lao động	314		214.000.000	112.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		61.998.152	64.977.187
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	64.934.000	82.232.500
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	549.614.014	1.099.234.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.436.101	15.060.053
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>549.614.014</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	-	549.614.014
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>191.197.232.888</b>	<b>196.132.396.876</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>191.197.232.888</b>	<b>196.132.396.876</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.940.051.378	3.940.051.378
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		375.175.915	375.175.915
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.882.005.595	11.817.169.583
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.495.649.535	5.386.768.623
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.386.356.060	6.430.400.960
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>194.850.524.318</b>	<b>202.522.867.460</b>

  
Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu

  
Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng


  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

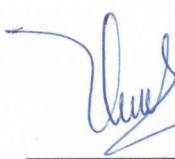
Ngày 13 tháng 3 năm 2024

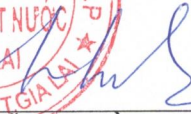
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>58.712.857.419</b>	<b>54.615.560.151</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>58.712.857.419</b>	<b>54.615.560.151</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	45.715.202.855	44.130.801.595
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>12.997.654.564</b>	<b>10.484.758.556</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.165.271.785	1.450.148.576
7. Chi phí tài chính	22		2.595.408	4.824.409
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	4.631.276.586	4.329.433.534
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.624.814.675	5.552.434.779
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>3.904.239.680</b>	<b>2.048.214.410</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.676.419.670	6.058.177.439
12. Chi phí khác	32		4.156.942	3.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.672.262.728</b>	<b>6.058.174.439</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>5.576.502.408</b>	<b>8.106.388.849</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.190.146.348	1.675.987.889
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>4.386.356.060</b>	<b>6.430.400.960</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	232	339

  
Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu

  
Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		2023	2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.576.502.408	8.106.388.849
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.438.385.443	11.052.234.631
Các khoản dự phòng	03	(3.029.236)	(2.147.945)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.346.255.118)	(6.594.989.345)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.665.603.497	12.561.486.190
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.829.352.874)	1.304.860.268
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	950.957.908	(128.092.481)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.268.618.183)	(260.925.263)
Giảm chi phí trả trước	12	418.176.588	2.611.672.379
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.259.656.594)	(1.090.330.998)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>10.677.110.342</b>	<b>14.998.670.095</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.151.475.033)	(15.337.126.975)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	648.329.665	5.010.856.189
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.870.048.841)	(9.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.265.725.441	15.891.292.080
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.003.911.129	975.635.291
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.103.557.639)</b>	<b>(3.059.343.415)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.099.234.000)	(1.099.234.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.099.234.000)</b>	<b>(1.099.234.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(11.525.681.297)</b>	<b>10.840.092.680</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>13.406.900.028</b>	<b>2.566.807.348</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60)	<b>70</b>	<b>1.881.218.731</b>	<b>13.406.900.028</b>

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu

Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (gọi tắt là "Công ty") là công ty được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189614 cấp lần đầu ngày 1 tháng 11 năm 2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai và giấy phép thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 180.000.000.000 đồng, được chia thành 18.000.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("Công ty SII") sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh là: Gia Lai Water Supply Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Gia Lai Water.

Văn phòng chính của công ty tọa lạc tại số 388 Lý Thái Tổ, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Công ty hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là GLW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 108 người và 112 người.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất cung cấp nước sinh hoạt.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: sản xuất và kinh doanh nước sạch; thi công, lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước; sản xuất và kinh doanh nước khoáng, nước đóng chai tinh khiết; bán buôn đồ uống không cồn, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; giám sát các công trình cấp thoát nước; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước quy mô nhỏ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn** (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước về bảo hiểm, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và số lần sử dụng thực tế theo các quy định kế toán hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	69.725.816	148.754.580
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	711.492.915	4.158.145.448
Các khoản tương đương tiền (i)	1.100.000.000	9.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.881.218.731</b>	<b>13.406.900.028</b>

(i) Số dư các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Thương mại với lãi suất dao động từ 2,7%/năm đến 3,4%/năm.

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	17.000.000.000	10.301.669.003

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất dao động từ 7,5% đến 11,0%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại địa bàn Thành phố Pleiku	924.562.767	338.643.732
Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng Thành phố Pleiku	474.695.000	1.170.241.000
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại địa bàn thị xã Ayunpa	72.191.005	67.671.705
Các đối tượng khác	-	7.477.000
<b>Cộng</b>	<b>1.471.448.772</b>	<b>1.584.033.437</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	2.957.854.719	-

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.440.813.156	279.452.500
Tạm ứng cho nhân viên	15.000.000	37.800.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	23.120.000	2.500.000
<b>Cộng</b>	<b>1.478.933.156</b>	<b>319.752.500</b>

***Trong đó, phải thu bên liên quan***

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	-	9.573.943
---	---	-----------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.472.547.072	1.394.411.644	(78.135.428)	1.584.033.437	1.502.868.773	(81.164.664)

**Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm**

	2023 VND	2022 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>81.164.664</b>	<b>83.312.609</b>
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.029.236)	(2.147.945)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>78.135.428</b>	<b>81.164.664</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	2.775.926.090	-	3.611.563.229	-

**8. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	2.837.729.561	-	2.953.050.330	-

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế của Công ty chủ yếu là vật tư ngành nước như đồng hồ, ống nhựa, ống sắt, van ... dùng để sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị của nhà máy nước.

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.389.696	38.223.570
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thay đồng hồ nước cho khách hàng (i)	260.461.652	830.242.266
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	105.304.499	60.916.972
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	301.503.238	148.590.054
Chi phí trả trước dài hạn khác	67.336.914	104.199.725
<b>Cộng</b>	<b>734.606.303</b>	<b>1.143.949.017</b>
<b>Tổng cộng chi phí trả trước</b>	<b>763.995.999</b>	<b>1.182.172.587</b>

(i) Đây là chi phí thay thế đồng hồ đã hết hạn kiểm định và tuyến ống phân phối cũ để chống thất thoát và thất thu nước. Chi phí thay thế được phân bổ 5 năm từ thời điểm nghiệm thu hoàn thành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2023	98.396.766.443	98.805.587.854	241.927.977.321	701.046.727	439.831.378.345
Mua trong năm	-	55.458.000	-	-	55.458.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.612.751.494	114.536.000	8.731.105.325	-	12.458.392.819
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>102.009.517.937</b>	<b>98.975.581.854</b>	<b>250.659.082.646</b>	<b>701.046.727</b>	<b>452.345.229.164</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2023	67.271.806.344	72.769.046.205	138.554.817.493	422.405.905	279.018.075.947
Khấu hao trong năm	2.876.808.311	1.805.060.262	6.505.016.170	47.443.940	11.234.328.683
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>70.148.614.655</b>	<b>74.574.106.467</b>	<b>145.059.833.663</b>	<b>469.849.845</b>	<b>290.252.404.630</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2023	31.124.960.099	26.036.541.649	103.373.159.828	278.640.822	160.813.302.398
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>31.860.903.282</b>	<b>24.401.475.387</b>	<b>105.599.248.983</b>	<b>231.196.882</b>	<b>162.092.824.534</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 4.230.343.459 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2023	1.572.454.091
Mua trong năm	120.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.692.454.091</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2023	715.246.208
Khấu hao trong năm	204.056.760
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>919.302.968</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2023	857.207.883
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>773.151.123</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Mở rộng hệ thống cấp nước	606.336.111	1.710.048.670
Các dự án khác	2.000.000	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>608.336.111</b>	<b>1.712.048.670</b>

**Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.712.048.670	182.641.310
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản trong năm	11.354.680.260	14.269.485.503
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.458.392.819)	(12.738.106.729)
Giảm khác	-	(1.971.414)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>608.336.111</b>	<b>1.712.048.670</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hạ tầng Kỹ thuật Hoàng Phúc	440.745.600	440.745.600	1.124.216.050	1.124.216.050
Điện lực Pleiku	270.514.178	270.514.178	209.396.858	209.396.858
Công ty Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai	114.307.200	114.307.200	110.820.150	110.820.150
Các đối tượng khác	172.396.503	172.396.503	1.312.116.940	1.312.116.940
<b>Cộng</b>	<b>997.963.481</b>	<b>997.963.481</b>	<b>2.756.549.998</b>	<b>2.756.549.998</b>

**14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng vãng lai	389.258.000	210.090.931	15.085.000	194.252.069
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.243.353.596	1.190.146.348	1.259.656.594	1.173.843.350
Thuế thu nhập cá nhân	22.301.098	145.553.929	123.662.322	44.192.705
Thuế tài nguyên	16.939.236	219.616.590	213.840.530	22.715.296
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	31.028.281	31.028.281	-
Phí bảo vệ môi trường	373.444.842	4.719.727.273	4.636.806.620	456.365.495
Phí dịch vụ môi trường rừng	54.764.060	228.049.879	226.220.103	56.593.836
Các khoản khác	-	70.700.000	70.700.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.710.802.832</b>	<b>6.604.822.300</b>	<b>6.561.914.450</b>	<b>1.753.710.682</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	13.230.000	26.768.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.800.000	38.800.000
Các khoản khác	12.904.000	16.664.500
<b>Cộng</b>	<b>64.934.000</b>	<b>82.232.500</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
<b>a. Ngắn hạn</b>						
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	549.614.014	549.614.014	-	-	1.099.234.000	1.099.234.000
<b>b. Dài hạn</b>						
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	549.614.014	549.614.014	-	1.099.234.000	1.648.848.014	1.648.848.014
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(549.614.014)	(549.614.014)			(1.099.234.000)	(1.099.234.000)
	-	-			<b>549.614.014</b>	<b>549.614.014</b>
<b>Tổng cộng khoản vay</b>	<b>549.614.014</b>	<b>549.614.014</b>	<b>-</b>	<b>1.099.234.000</b>	<b>1.648.848.014</b>	<b>1.648.848.014</b>

(i) Đây là số dư nợ vay theo Hiệp định vay giữa Bộ Tài chính và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai về việc sử dụng khoản vay số 1361 VIE (SF) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã ký ngày 15 tháng 9 năm 1995 và các phụ lục bổ sung, tổng giá trị khoản vay là 16.488.497.014 đồng, lãi suất cho vay 0%/năm.

**Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	549.614.014	1.099.234.000
Trong năm thứ hai	-	549.614.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	-
	<b>549.614.014</b>	<b>1.648.848.014</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(549.614.014)	(1.099.234.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>-</b>	<b>549.614.014</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>3.940.051.378</b>	<b>375.175.915</b>	<b>5.670.282.761</b>	<b>189.985.510.054</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.430.400.960	6.430.400.960
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(283.514.138)	(283.514.138)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>3.940.051.378</b>	<b>375.175.915</b>	<b>11.817.169.583</b>	<b>196.132.396.876</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.386.356.060	4.386.356.060
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(321.520.048)	(321.520.048)
Chia cổ tức	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>3.940.051.378</b>	<b>375.175.915</b>	<b>6.882.005.595</b>	<b>191.197.232.888</b>

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 14 tháng 4 năm 2023.

**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

<b>Tên cổ đông</b>	31/12/2023		01/01/2023	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	46,78%	84.209.000.000	46,78%	84.209.000.000
Các cổ đông khác	2,22%	3.991.000.000	2,22%	3.991.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>180.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN** (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	18.000.000	18.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 14 tháng 4 năm 2023, Công ty đã chia cổ tức với tỷ lệ cổ tức là 5% trên vốn điều lệ tương đương 9 tỷ đồng. Mức chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	52.441.414.131	48.101.515.872
Doanh thu lắp đặt cải tạo hệ thống nước	6.108.899.829	6.347.565.968
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư ngành nước	162.543.459	166.478.311
<b>Cộng</b>	<b>58.712.857.419</b>	<b>54.615.560.151</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	2023	2022
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	41.346.909.115	39.838.596.081
Giá vốn lắp đặt cải tạo hệ thống nước	4.268.813.217	4.192.838.592
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư ngành nước	99.480.523	99.366.922
<b>Cộng</b>	<b>45.715.202.855</b>	<b>44.130.801.595</b>

**Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với bên liên quan:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	12.856.714.948	11.781.226.730
---	----------------	----------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** (tiếp theo)

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.165.271.785	1.450.148.576

*Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan:*

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	532.525.787	479.489.562
---	-------------	-------------

**4. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.051.155.111	3.792.275.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.056.760	196.556.760
Chi phí bằng tiền khác	376.064.715	340.601.562
<b>Cộng</b>	<b>4.631.276.586</b>	<b>4.329.433.534</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.530.174.775	3.834.680.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	416.854.463	421.330.776
Thuế, phí và lệ phí	36.028.281	120.061.811
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(3.029.236)	(2.147.945)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.072.682.265	753.531.365
Chi phí bằng tiền khác	572.104.127	424.978.024
<b>Cộng</b>	<b>6.624.814.675</b>	<b>5.552.434.779</b>

**6. Thu nhập khác**

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập từ hỗ trợ di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt thuộc dự án chỉnh trang đô thị thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	1.180.983.333	5.608.718.008
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	481.148.963	444.738.683
Các khoản thu nhập khác	14.287.374	4.720.748
<b>Cộng</b>	<b>1.676.419.670</b>	<b>6.058.177.439</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** (tiếp theo)**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2023 VND	2022 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.576.502.408</b>	<b>8.106.388.849</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	374.229.339	273.550.603
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.950.731.747</b>	<b>8.379.939.452</b>
Lỗi tính thuế mang sang	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>5.950.731.747</b>	<b>8.379.939.452</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.190.146.348	1.675.987.889
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.190.146.348</b>	<b>1.675.987.889</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.386.356.060	6.430.400.960
Trừ: trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(219.317.803)	(321.520.048)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>4.167.038.257</b>	<b>6.108.880.912</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	18.000.000	18.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>232</b>	<b>339</b>

Công ty tạm sử dụng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi của kỳ trước để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ này, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2023 sẽ được cập nhật sau khi tỷ lệ trích lập các quỹ được Đại hội cổ đông thường niên của năm sau thông qua.

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.581.679.829	18.721.201.568
Chi phí nhân công	14.919.192.451	13.300.119.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.409.178.895	11.052.234.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.040.448.970	6.922.942.026
Chi phí khác bằng tiền	1.020.793.971	4.016.172.140
<b>Cộng</b>	<b>56.971.294.116</b>	<b>54.012.669.908</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tài ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong địa bàn tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

**2. Bên liên quan**

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn  
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi  
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN  
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro  
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp  
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê  
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku  
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) (i)  
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (i)  
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ (i)  
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia (i)  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu (i)  
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (i)  
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh (i)  
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (i)  
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu Sài Gòn (i)  
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (i)  
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (i)  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (i)  
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình (i)  
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (i)  
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (i)  
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)  
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy (i)  
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (i)  
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (i)  
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (i)  
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (i)

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty liên kết của tập đoàn  
Công ty liên kết của tập đoàn  
Công ty liên kết của tập đoàn  
  
Công ty mẹ của tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty liên kết của tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

(i) Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) đã thoái vốn dẫn đến mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (công ty mẹ của Công ty). Do đó, Công ty CII và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính này, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với bên liên quan như sau:

	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku</b>		
Thanh toán tiền mua nước sạch	12.856.714.948	12.950.355.057
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	9.750.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	14.964.056.438	-
Thu lãi cho vay	427.078.103	245.331.395
Lãi cho vay nhập gốc	120.048.841	233.718.904

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm**

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Phạm Ngọc Tiến	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Vũ Văn Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/04/2023)	36.000.000	-
Ông Châu Ngọc Trọng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/04/2023)	-	36.000.000
<b>Cộng</b>		<b>204.000.000</b>	<b>204.000.000</b>
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	33.000.000
Ông Lê Huy Hoàng	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	24.000.000	24.000.000
<b>Cộng</b>		<b>84.000.000</b>	<b>81.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)

**2. Bên liên quan** (tiếp theo)

**Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:**


Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	467.400.000	374.400.000
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc	357.400.000	254.400.000
Ông Phạm Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	321.400.000	254.400.000
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	257.333.333	167.600.000
Ông Vũ Hoành Thiên	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/01/2024)	234.800.000	205.800.000
<b>Cộng</b>		<b>1.638.333.333</b>	<b>1.256.600.000</b>


**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

**4. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

  
Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu

  
Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Hồng Hạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 3 năm 2024

